

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **37/2022/HN-ST**

Ngày: 31/8/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Khoa
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 177/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp 2, xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 6, ấp N, xã P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2022, bản tự khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Lê Văn M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày. Ông M nhiều lần có hành vi bạo lực với vợ, đánh đập vợ. Mặc dù gia đình, người thân và hàng xóm láng giềng đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ ngày 27/4/2022, bà N đã chuyển về nhà ngoại ở Đồng Nai sinh sống.

Nay bà N tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên bà nộp đơn khởi kiện ly hôn để yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn M.

Về con chung: Bà N xác định bà và ông M có 01 (một) con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 26/7/2019. Trường hợp ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn M vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tại các phiên tòa xét xử không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không ghi nhận được ý kiến.

Kết quả xác minh tại Công an xã P, thành phố Bà Rịa xác định ông Lê Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế đang sinh sống tại Tổ 6, ấp N, xã P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Kết quả xác minh tại cơ sở không nắm được sự việc và nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống của bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn M.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ngày 27/4/2022, bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Lê Văn M; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải

quyết của Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 13/8/2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55 do Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà N trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Ngoài ra, ông M còn sử dụng bạo lực với bà N khiến bà N không chịu đựng được nên đã chuyển về sống với gia đình mẹ ruột ở Đồng Nai. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2022 đến nay không có dấu hiệu hàn gắn.

Tòa án đã tiến hành mời các bên đến làm việc để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và tạo điều kiện để hòa giải cho vợ chồng ông bà theo hướng đoàn tụ nhưng không thành.

Tuy ông M không thể hiện ý kiến, quan điểm của mình và kết quả xác minh tại địa phương cũng không nắm được sự việc mâu thuẫn của vợ chồng bà N, ông M nhưng xét thấy, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông M đến Tòa để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do, thể hiện ông M không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, thực tế ông M và bà N đã không còn chung sống với nhau, mỗi người sống một nơi, đến nay, tình trạng hôn nhân vẫn không có dấu hiệu cải thiện. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có thật, không thể hàn gắn khắc phục được, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông M có 01 (một) con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 26/7/2019. Bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông M cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu T còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ và hiện cháu đang sống cùng bà N nên để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu, giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N ly hôn với ông Lê Văn M.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 26/7/2019. Giao cháu Lê Minh T cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Văn M không cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004502 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà N đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

6. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi*

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND X.P, TP Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thị Thanh Tâm